

THÁCH THỨC VỀ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Châu Á- Thái bình Dương - khu vực rộng lớn với các nguồn tự nhiên dồi dào, trong đó có các loại nhiên liệu, uranium, kim loại, các loại khoáng sản như mica, amiăng và các loại gỗ cứng. Đây là khu vực buôn bán lớn nhất các loại gỗ nhiệt đới, đồng thời cũng là khu vực dùng nhiều gỗ củi cho việc đun nấu, nên cũng là khu vực có tỷ lệ phá rừng hàng năm cao nhất (1,2%/năm - ESCAP và ADB 2000*). Các hoạt động sản xuất chế biến gỗ phát triển tốt do có kỹ thuật cao.

Đất đai

Các vấn đề chủ yếu liên quan đến đất đai của khu vực Châu Á -Thái bình Dương là suy giảm đất (đặc biệt là sa mạc hoá cũng như xói mòn, đông kết, a xít hoá, giảm độ màu mỡ), thay đổi mục đích sử dụng đất và ô nhiễm đất. Chăn thả súc vật và canh tác quá mức cũng như sử dụng quá nhiều phân bón hoá học là các vấn đề đáng lo ngại ở Úc và Châu Á, trong khi

đất đai ở các khu vực đảo khu vực Thái bình Dương liên quan nhiều hơn đến các hoạt động khai mỏ, khai thác gỗ, thu hoạch một chiều và khai thác các loài quý hiếm. Khoảng 88% diện tích đất bị suy giảm thuộc khu vực Châu Á (gồm cả Trung Á).

Suy giảm nguồn nước do ảnh hưởng đặc biệt của dãy Himalaya, ở Trung á và Nam Thái Bình Dương, trước hết là Úc. Trong khi suy giảm gió đặc biệt tác động đến Nam Á, trước hết là Iran, Ấn Độ, Pakistan và Afganistan. Khu vực Bắc Á, Úc và Newzeland phải gánh chịu sự suy giảm đất nghiêm trọng; các ngành công nghiệp điện tử và công nghiệp hoá học ở Nhật Bản và Triều Tiên là những nguồn chủ yếu gây nên những suy giảm này.

Sa mạc hoá ảnh hưởng đến hơn nửa diện tích đất liền Châu Á. Trung Á - khu vực sa mạc hoá nghiêm trọng nhất (trên 60%), sau đó là Nam Á (trên 50%) và

Đông Nam Á (khoảng 30%).

Những áp lực mạnh nhất làm thay đổi việc sử dụng đất là do mở rộng đất diện tích nông nghiệp và tăng cường độ sử dụng đất. Ở Philippin giữa những năm 1980 và 1990, diện tích rừng và đất đồng cỏ đã giảm 67%, đất nông nghiệp tăng gấp đôi và diện tích đất khu vực thành thị

tăng 16%. Trong thời gian 1965-1997, tỷ lệ đất rừng của Thái Lan giảm từ 56% xuống 24%.

Vấn đề sa mạc hoá nhanh chóng ở một số nước Châu Á, nhất là Aganistan, Ấn Độ,, các nước thuộc Liên Xô cũ đã làm giảm một tỷ lệ lớn đất canh tác (xem bảng dưới)

TÌNH TRẠNG SA MẠC HOÁ Ở MỘT SỐ NƯỚC KHU VỰC CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Nước	Diện tích (Triệu ha)	Suy giảm diện tích (%)	Dân số (Triệu người)	Mật độ dân số (Người/km ²)	Diện tích canh tác BQ đầu người (ha)
Trung Quốc	960	27	1150	123	0,08
Mông Cổ	156	41	2,3	1,5	0,16
Azerbaijan	8,6	-	7,3	84,2	0,19
Kazastan	271,7	60	16,9	6,2	2,13
Kyrgyzstan	19,8	60	4,5	22,6	0,30
Tajikistan	14,3	-	5,5	38,4	0,15
Turkmenistan	48,8	66,5	4,2	8,6	0,35
Uzbekistan	44,7	59,2	1,7	48,5	0,21
Ấn Độ	328	53	944,6	295	0,18
Pakistan	79,6	52	131,6	165	0,16
Aganistan	65,2	85	23,2	35	0,17
I ran	163,6	43	67,2	41	0,27

Nguồn: Ban thư ký Liên hợp quốc - Công ước chống sa mạc hoá 1998

Các khu vực thành thị

Châu Á -Thái bình Dương đang thực hiện quá trình đô thị hoá, với tốc độ đô thị hoá hàng năm ước tính ở mức 2,4% (ước tính cho thời kỳ 2001-2015); Mức đô thị hoá hàng năm 1,2% ở hầu hết các nước khu vực Nam Thái bình Dương và Úc, là các nước có tỷ lệ đô thị hoá cao nhất 70,2%. Mức độ đô thị hoá có sự khác nhau giữa các nước, từ 7,1% ở Bhutan lên tới 100% ở Singapore và Nauru.

Quá nhiều chất thải rắn ở trung tâm

các khu vực thành thị không được thu gom hoặc không được tiêu huỷ tại những nơi phát sinh rác thải. Ngay cả khi rác thải được thu gom thì chủ yếu được chôn thành đống, nhiều trong số các loại rác không phân huỷ hoàn toàn. Các thành phố tái chế sử dụng chất thải rắn (Singapore, Tokyo và hầu hết các thành phố lớn ở Úc và Nezealand) đang gặp khó khăn trong việc xử lý khối lượng chất thải tăng nhanh. Xử lý rác thải công nghiệp, các chất thải độc hại và chất độc cũng gây nhiều vấn đề nghiêm trọng đối với môi trường khu vực.

Mặc dù đã đầu tư nhiều trong hai thập kỷ qua, đa số các nước trong khu vực đều phải bù lỗ cho việc cung cấp nước sạch và vệ sinh ở khu vực thành thị. Ở các nước đang phát triển, cứ năm người dân ở khu vực thành thị thì có một người không được tiếp cận với nước sạch. Afghanistan là nước có tỉ lệ dân được cung cấp nước sạch ở khu vực thành thị thấp nhất, chỉ đạt mức 19%. Ấn Độ là nước có số dân ở khu vực thành thị không có nước sạch để sử dụng lớn nhất. Afghanistan, Myanmar, Việt Nam và Bhutan là các nước có dân số khu vực thành thị được sử dụng nước sạch thấp nhất, dưới 50%.

Các nguồn nước ngọt

Khu vực Châu Á - Thái bình Dương chiếm khoảng 36% lượng nước ngọt toàn cầu. Trừ lượng các nguồn nước lớn nhất ở Trung Quốc, Indonesia và Bangladesh. Trung Quốc cùng với Ấn Độ và Pakistan là những nước xếp vào loại có lượng nước bình quân đầu người hàng năm thấp nhất. Khan hiếm và ô nhiễm nước là các vấn đề chủ yếu phải đối phó của khu vực.

Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực hiện có lượng nước sạch bình quân đầu người thấp nhất thế giới. Hàng năm Ấn Độ bị suy giảm 100 tỉ mét khối nước. Sự suy giảm các nguồn nước sạch ở Trung Á, đặc biệt nước ăn, cho thấy nguy cơ mức sống giảm và khả năng mắc bệnh tăng.

NGUỒN NƯỚC VÀ SỬ DỤNG NƯỚC Ở MỘT SỐ NƯỚC KHU VỰC CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Nước	Dân số 6/1999 (triệu người)	Diện tích (km ²)	Nguồn nước (km ³ /năm)	Tiêu dùng (km ³ /năm)	Tiêu dùng (% nguồn)
Afganistan	21,92	652090	60	26	43
Úc	18,90	7682640	398	24	6
Bangladesh	126,94	144000	115	23	20
Campuchia	11,93	181035	88	1	1
Trung Quốc	1266,83	9600000	2812	500	18
Fiji	0,80	18270	29	<1	3
Ấn Độ	998,05	3287260	1142	552	48
Indonesia	209,25	1811570	2986	49	2
Iran	64,96	1636000	130	75	58
Nhật	126,69	377800	435	90	21
Malaysia	22,70	32850	556	12	2
Mông Cổ	2,62	1566500	25	<1	4
Nepal	22,40	147181	207	12	6
New Zealand	3,82	270530	397	2	<1
Pakistan	138,72	796000	247	180	73
Philippin	74,45	298170	356	105	30

Nước	Dân số 6/1999 (triệu người)	Diện tích (km ²)	Nguồn nước (km ³ /năm)	Tiêu dùng (km ³ /năm)	Tiêu dùng (% nguồn)
Nam Triều Tiên	46,85	99390	70	30	42
Đảo Solomon	43,0	27990	45	<1	2
Srilanka	18,63	65610	47	10	21
Thái Lan	61,80	511000	210	33	16
Việt Nam	78,70	330000	318	65	20

Nguồn: ESCAP 1996, 1999

Phần lớn thành phố ở các nước đang phát triển trong khu vực có khối lượng lớn nước, bị ảnh hưởng từ các nguồn nước cống, các chất thải công nghiệp, chất hoá học và chất thải rắn. Số liệu mới đây cho biết trong 94% dân số Châu Á chỉ có 48% có các điều kiện vệ sinh, đây là mức thấp nhất so với tất cả các khu vực trên thế giới. Ở khu vực nông thôn, số liệu này là 31%, so với 78% ở khu vực thành thị.

Tuy nhiên, 81% dân số của khu vực đã được cung cấp nước sạch (75% ở khu vực nông thôn và 93% ở khu vực thành thị). Khoảng hai phần ba dân số thế giới không được tiếp cận với nước sạch sống ở khu vực Châu Á.

Một số vấn đề dẫn tới thành công trong việc cải thiện môi trường là do tái sử dụng và tái chế chất thải ở các nước công nghiệp hoá, sử dụng các phương pháp như sản xuất sạch hơn, áp dụng hệ thống quản lý môi trường, ISO 14000, kiểm tra và báo cáo về môi trường và các khu vực sinh thái công nghiệp.

Các khu vực biển và ven biển

Trong 30 năm qua, sự suy giảm các nguồn ở biển như các loại cá, các loại đước và các rặng san hô là vấn đề cần quan tâm đặc biệt ở khu vực Châu Á - Thái bình Dương. Hiện nay nhiều rừng

được ngập mặn bị dọn quang để nuôi tôm đã trở thành vấn đề khẩn cấp; Điển hình ở Chakaria Sundarbans thuộc phía Tây Bangladesh được gần như đã bị dọn quang hoàn toàn. Việc nuôi cá cũng thả vào nước các loại thức ăn, các chất dinh dưỡng, các loại mầm bệnh và các chất độc hại tiềm tàng.

Ở các khu vực đảo Thái Bình Dương, nguyên nhân làm giảm các nguồn lợi ven biển gồm có khai mỏ, buôn bán san hô và cá sống, nuôi trồng thuỷ sản, đánh bắt quá mức và ô nhiễm công nghiệp.

Chính phủ các nước đầu bắt quản lý việc khai thác thuỷ sản bằng việc giảm trợ giá và qui định quyền đến gần các khu vực biển. Việc khai thác cá ngừ ở Nam Thái bình Dương, khu vực đánh bắt cá biển đa quốc gia đã chứng tỏ đây là loài đầu tiên có thể bảo vệ.

Hơn nửa các dải san hô ngầm nằm ở các đảo Thái bình Dương; Diện tích san hô lớn nhất đã bị suy giảm là do những thay đổi về môi trường đại dương, phát triển du lịch, dân số đông và phát triển kinh tế ở các khu vực ven biển. Việc phá huỷ một ki lô mét san hô tương ứng với chi phí lên tới 1,2 triệu đô la, cao hơn giá trị của các hoạt động đánh bắt, du lịch và bảo vệ trong vòng 25 năm.

Khí hậu

Chất lượng không khí ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đã xấu đi nghiêm trọng trong vòng 30 năm đô thị hoá nhanh và phát triển công nghiệp. Các thành phố lớn nhất trong khu vực có mức ô nhiễm không khí cao nhất thế giới. Giao thông cũng là một nguồn đáng kể gây ô nhiễm không khí ở khu vực đô thị. Các nguồn gây ô nhiễm khác gồm có các hoạt động công nghiệp, sản xuất năng lượng điện, đun nấu trong gia đình bằng các loại chất đốt sinh học và nhiên liệu như than đá.

Trong số 15 thành phố trên thế giới có mức độ ô nhiễm đặc biệt cao thì có 12 thành phố của Châu Á; Trong số những thành phố này, sáu thành phố có mức khí SO₂ cao nhất. Đặc biệt ở New Delhi, lượng khí SO₂ lên tới 420rg/m³. Teheran là nơi lượng SO₂ gấp bốn lần theo mức quy định của Tổ chức Y tế thế giới.

Úc, Trung Quốc, Ấn Độ, Iran, New Zealand, Thái Lan, Philippine và Srilanka là các quốc gia trong khu vực bắt đầu thực hiện các hoạt động nhằm giảm ô nhiễm không khí bằng việc giới thiệu sử dụng các loại xăng không pha chì và các loại chất đốt có dư lượng thấp.

Sự phụ thuộc nhiều vào việc sử dụng than đá ở Trung Quốc và Ấn Độ là nguyên nhân cơ bản gây bụi mờ và mưa axit -

những vấn đề nguy hiểm nghiêm trọng của khu vực trong thập kỷ qua. Ít nhất hai phần ba lượng axit lắng đọng trong khu vực là do các nhà máy nhiệt điện sử dụng than đá, sử dụng các thiết bị kiểm soát ô nhiễm đã quá cũ hoặc ít hiệu quả.

Suy giảm tầng ôzôn đã trở thành vấn đề đặc biệt nghiêm trọng của khu vực. Số liệu từ các nước Úc và Newzealand cho thấy các mức tia cực tím vẫn tăng lên. Trung Quốc và Ấn Độ là các nước sản sinh và sử dụng khí CFC lớn nhất trong khu vực. Ấn Độ là nước thứ hai trên thế giới sản sinh nhiều lượng khí CFC và là nước đứng thứ tư trong việc sử dụng khí CFC.

Ô xít các bon, loại khí nhà kính do ảnh hưởng chủ yếu từ con người đã phát thải ở khu vực Châu Á - Thái bình Dương. Phần lớn khí nhà kính sản sinh từ các ngành công nghiệp. Đa số các nước ở khu vực Tây Bắc Thái bình Dương và tiểu khu vực Nam Á, cùng với các nước thuộc khu vực đảo Thái bình Dương, không tránh khỏi hiện tượng thay đổi khí hậu đặc biệt nghiêm trọng như mực nước biển tăng vì hầu hết các khu định cư và các khu công nghiệp nằm ở vùng ven biển hoặc các khu vực đất thấp ■

Nguyễn Thái Hà

Nguồn: Industry and Environment
Volume 25 No.1, January-March 2002